GLOBAL SUCCESS 4
Unit 9. OUR SPORTS DAY
Ngày hội thể thao của chúng mình

GHI NHỚ

1. Cách hỏi ai đó có phải ngày hội thể thao diễn ra trong tháng nào đó hay không và cách trả lời:

Cách hỏi	Cách trả lời
- Is your sports day in + (tháng)? *Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng .... phải không?*	**- Yes, it is.** *Vâng, đúng vậy..* **- No, it isn't. It's in + (tháng).** *Không phải. Nó diễn ra ... (trong tháng ...)*
Ví dụ: A: Is your sports day in May? *Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng Năm phải không?* B: Yes, it is. /No, it isn't. It's in June. *Vâng, đúng vậy./Không phải. Nó diễn ra trong tháng Sáu.*	

2. Cách hỏi về ngày hội thể thao diễn ra khi nào và cách trả lời:

Cách hỏi	Cách trả lời
When's your sports day? *Ngày hội thể thao của bạn diễn ra khi nào?*	**It's in + (tháng).** *Nó diễn ra trong tháng ...*
Ví dụ: A: When's your sports day? *Ngày hội thể thao của bạn khi nào diễn ra?* B: It's in December. *Nó diễn ra trong tháng Mười hai.*	

1. Choose the correct option. (*Chọn đáp án đúng.*)

1. Câu nào sau đây hỏi về ngày hội thể thao?
   a. What's your favourite subject?
   b. When do you have English?
   c. Is your sports day in June?
   d. What's that?
2. Câu nào sau đây trả lời cho câu hỏi: “Is your sports day in May?”
   a. It's a picture of our sports day.
   b. It's in June.
   c. Yes, it is.
   d. My birthday is in May.
3. Câu "It's in September." trả lời cho câu hỏi nào sau đây?
   a. What subjects do you have today?
   b. Is your sports day in September?

LIVEWORKSHEETS

c. Why do you like it?
d. When's your sports day?

4. Câu nào sau đây trả lời cho câu hỏi: “When's your sports day?"
   a. I like sports.
   b. No, it isn't.
   c. It's in December.
   d. We plays many sports and games.
5. Câu “Our sports day is in July" có nghĩa là:
   a. Ngày hội thể thao của chúng tôi diễn ra trong tháng Sáu.
   b. Ngày hội thể thao của chúng tôi diễn ra trong tháng Bảy.
   c. Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng Bảy.
   d. Ngày hội thể thao của tôi diễn ra trong tháng Tám.
6. Câu “We play many sports and games." có nghĩa là:
   a. Họ chơi nhiều môn thể thao và trò chơi.
   b. Họ chơi thể thao nhiều và nhiều trò chơi.
   c. Chúng tôi chơi nhiều môn thể thao và trò chơi.
   d. Chúng tôi chơi nhiều trò chơi.
7. Câu “Our sports day is in November" có nghĩa là:
   a. Ngày hội thể thao của họ diễn ra trong tháng Mười.
   b. Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng Mười một.
   c. Ngày hội thể thao của chúng tôi diễn ra trong tháng Mười một.
   d. Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng Mười hai.
8. Câu: “No, it isn’t. It's in March.” trả lời cho câu hỏi nào sau đây?
   a. Who's that?
   b. When's your sports day?
   c. Is your sports day in Apirl?
   d. Why do you like it?
9. Câu “Our sports day is in May.” trả lời cho câu hỏi nào sau đây?
   a. When's your sports day?
   b. Why do you like it?
   c. Is your sportsday in June?
   d. What day is it today?
10. Câu “Is your sports day in September?" có nghĩa là:
   a. Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng Chín phải không?
   b. Ngày hội thể thao của bạn diễn ra trong tháng Mười phải không?
   c. Môn thể thao yêu thích của bạn là gì?
   d. Khi nào ngày hội thể thao của bạn diễn ra?

2. Choose the correct option to complete each blank. (*Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống.*)

1. We _____ many sports and games.
   a. do b. make c. play d. take
2. _____ your sports day in June?
   a. Is b. Are c. Do d. Does
3. A: _____ your sports day?
   B: It's in May.

LIVEWORKSHEETS

a. What's b. How's c. When's d. Where's

4. A: Is your sports day in February?
   B: Yes, it _____.
   a. is b. are c. do d. does
5. A: Our sports day is in April. _____ your sports day in May?
   B: Yes, it is.
   a. Do b. Does c. Is d. Are
6. Is your sports day in _____?
   a. Monday b. Wednesday c. Friday d. May
7. There _____ many boys and girls in the school playground.
   a. is b. are c. do d. does
8. They _____ different sports and games.
   a. play b. plays c. is play d. are play
9. A: When's your sports day?
   B: It's _____ October.
   a. at b. on c. in d. do
10. A: What's that?
   B: _____ a picture of our sports day.
   a. He's b. She's c. They're d. It's

3. Read and match each sentence in A with the appropriate sentence in B. (*Đọc và nối mỗi câu trong cột A với câu thích hợp trong cột B*)

A	B
1. What's that?	a. It's in December.
2. When's your sports day?	b. It's PE.
3. Is your sports day in July?	c. It's a picture of our sports day.
4. Why do you like it?	d. Yes, it is.
5. What's your favourite subject?	e. Because I want to be a football player.

4. Read the dialogue and choose the correct option [a, b, c, d, e or f] in the box to complete each blank. (*Đọc đoạn hội thoại và chọn đáp án đúng [a, b, c, d, e hoặc f] trong khung để hoàn thành mỗi chỗ trống.*)

a. play b. When's c. October d. do e. Saturday f. Is

A: What day is it today?
B: It's (1) _____.
A: What (2) _____ you do on Saturdays?
B: I (3) _____ football and games with my friends.
A: I like football and games. Our sports day is in September. (4) _____ your sports day in September too?
B: No, it isn't.
A: (5) _____your sports day?
B: It's in (6) _____.

5. Read the text and tick T (True) or F (False). (*Đọc đoạn văn và đánh dấu T (Đúng) hoặc F (Sai).*)

LIVEWORKSHEETS

Hello, everyone. I'm Minh. Our sports day is in December. It's in the school playground. We play different sports and games. Some boys in my class play football. Some girls play badminton. Other boys and I play volleyball. It is a lot of fun.

	T	F
1. The sports day is in December.	○	○
2. The sports day is in the park.	○	○
3. Some boys in Minh's class play basketball.	○	○
4. Some girls play badminton.	○	○
5. Minh plays volleyball.	○	○

6. Reorder the words to make meaningful sentences. (*Sắp xếp lại thứ tự các từ để làm thành các câu có nghĩa.*)

1. is /Our/day/in/June/sports/.
   a. Our day is sports in June.
   b. Our sports day is in June.
   c. Our sports is day in June.
2. your/When's /day /sports /?
   a. When's your day sports?
   b. When's sports your day?
   c. When's your sports day?
3. in /The /day /is /December /sports/.
   a. The sports day is in December.
   b. The day sports is in December.
   c. The day is sports in December.
4. Is/in/your/sports /day /October /?
   a. Is your sports day in October?
   b. Is your day sports in October?
   c. Is day your sports in October?
5. The /in/sports /day /is/September/.
   a. The day sports is in September.
   b. The sports day is in September.
   c. The sports is day in September.
6. We/different /sports/and /play/games/.
   a. We and different games play sports.
   b. We play sports and games different.
   c. We play different sports and games.
7. There /the /are /pupils /in /playground /many /.
   a. There are the pupils in many playground.
   b. There are many pupils in the playground.
   c. There are the playground in many pupils.
8. play /Some / my /boys /class /football. /in
   a. Some boys in play my class football.
   b. Some boys in my class play football.
   c. Some my class play football in boys.
9. Some /play/volleyball/girls/.

LIVEWORKSHEETS

a. Some girls volleyball play.
b. Some girls play volleyball.
c. Some volleyball girls play.

10. have /We /fun la lot of/.
    a. We have fun a lot of.
    b. We have a lot fun of.
    c. We have a lot of fun.

LIVEWORKSHEETS